

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **127/2022/HNGĐ - ST**
Ngày: 27 - 12 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Hòa

2. Bà Lê Thị Thận

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa:
Bà Trịnh Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 212/2020/TLST- HNGĐ, ngày 19 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 280/2022/QĐXX - ST ngày 12 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị D, sinh năm 1979 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1972 (Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Trú tại: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Bùi Thị D trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị D và ông Nguyễn Văn H tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Long Thịnh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều bất đồng tình cảm và bất đồng quan điểm sống và không còn hòa hợp về tình cảm nên thường xuyên cãi vã, ông H có đánh đập bà

D. Bà D nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể tiếp tục chung sống, kéo dài hôn nhân thêm được nữa nên đã sống ly thân với ông H từ năm 2020 cho đến nay. Vì vậy, bà D yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Văn H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà D và ông H có 3 con chung là cháu Nguyễn Hoàng P, sinh năm 2001; cháu Nguyễn Phi Tr, sinh năm 2003 và cháu Nguyễn Hoàng H, sinh năm 2007. Hiện nay cháu P và cháu Tr đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết; đối với cháu H thì bà D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H cho đến khi cháu thành niên và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông H thống nhất với lời của bà D về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn. Tuy nhiên quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn như bà D trình bày nên không đồng ý ly hôn mà mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung ông H thống nhất như bà D trình bày. Nếu phải ly hôn thì cháu Nguyễn Hoàng H muốn sống cùng ai thì người đó sẽ trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Nguyễn Hoàng H trình bày: Cháu là con của ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị D. Nay ông H và bà D ly hôn thì cháu H có nguyện vọng được sống cùng với mẹ là bà Bùi Thị D.

Tại phiên tòa: Bị đơn ông Nguyễn Văn H vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt; nguyên đơn bà Bùi Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Bùi Thị D; về con chung giao cháu Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 01/4/2007 cho bà Bùi Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về án phí sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Phần thủ tục tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện của bà Bùi Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn H. Hiện ông H đang cư trú tại thôn A, xã B, huyện C, Hội đồng xét xử thấy tranh chấp giữa Nguyên đơn và Bị đơn thuộc lĩnh vực hôn nhân

gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

[2] Đối với việc giải quyết vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn H: Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình giải quyết vụ án, ông H đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông H.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn năm 1998 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Thịnh Long, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Điều này phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn số 72 ngày 14/12/1998 của Ủy ban nhân dân thị trấn Thịnh Long, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định mà bà D đã giao nộp. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông H là hợp pháp.

[4] Về mâu thuẫn gia đình: Theo lời khai của bà D trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã. Ông H lại cho rằng giữa ông H và bà D không có mâu thuẫn như lời trình bày của bà D nên không đồng ý ly hôn mà mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, tại biên bản xác minh ngày 13/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng tại địa phương nơi ông H và bà D cư trú xác định giữa ông H và bà D có mâu thuẫn gia đình, bà D có thông báo tuy nhiên không làm hồ sơ hòa giải tại địa phương mà bà D yêu cầu khởi kiện ra Tòa giải quyết. Như vậy có cơ sở xác định giữa ông H và bà D có mâu thuẫn gia đình, tình trạng hôn nhân giữa ông H và bà D là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, quá trình giải quyết vụ án bà D xác định không còn tình cảm với ông H nên vẫn cương quyết muốn ly hôn, không đồng ý đoàn tụ. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận nguyện vọng muốn ly hôn của bà D.

[5] Về con chung: Bà D và ông H có 03 người con chung là cháu Nguyễn Hoàng P, sinh năm 2001; cháu Nguyễn Phi Tr, sinh năm 2003 và cháu Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 01/4/ 2007. Cháu P, cháu Tr đã thành niên nên bà D và ông H không yêu cầu. Đối với cháu H thì bà D có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H cho đến khi cháu thành niên sau khi ly hôn; ông H có ý kiến nếu cháu H có nguyện vọng sống chung với ai thì ông H đồng ý để người đó nuôi dưỡng. Xét thấy, quá trình làm việc cháu H có nguyện vọng được sống chung với mẹ là bà D. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của bà D, giao cháu H cho bà D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự buộc nguyên đơn bà D phải nộp 300.000đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

[9] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

[10] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 51, 55, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị D về việc ly hôn. Bà D được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 01/4/2007 cho bà Bùi Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn bà Bùi Thị D phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000683 ngày 17/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- Chi cục THADS huyện Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Đào